

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép khoan khảo sát địa chất trong phạm vi bảo vệ đê hữu Cầu,
các phường Kinh Bắc và Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy
định chi tiết một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ văn bản số 1559/BNNMT-ĐĐ ngày 13/02/2026 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường về việc chấp thuận để cấp phép khoan khảo sát địa chất
trong phạm vi bảo vệ đê hữu Cầu, các phường Kinh Bắc và Vũ Ninh, tỉnh Bắc
Ninh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 172/TTr
SNNMT ngày 10/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Xây dựng An Bình được khoan khảo sát
địa chất để phục vụ thiết kế công trình thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình
hoàn chỉnh mặt đê hữu Cầu đoạn từ K56+180÷K57+060 và đoạn từ
K57+370÷K59+780 đê hữu Cầu phường Kinh Bắc, phường Vũ Ninh - tỉnh Bắc
Ninh, với các nội dung cụ thể sau:

1. Khu vực khoan khảo sát: Các đoạn tương ứng từ K56+180-K57+060,
K57+370-K59+780 đê hữu Cầu, phường Kinh Bắc và Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Vị trí, số lượng, chiều sâu hố khoan: Tổng số 47 hố khoan, chiều sâu từ
(15÷20)m.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

3. Loại khoan và đường kính hố khoan: Sử dụng khoan máy, đường kính
hố khoan (76÷130)mm.

4. Thời gian thi công: Theo tiến độ của Dự án và hoàn thành trước ngày
30/4/2026.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng An Bình phải chấp hành đúng những
quy định dưới đây:

- Chủ đầu tư, đơn vị khảo sát chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho đê
trong quá trình khảo sát; theo dõi chặt chẽ diễn biến của đê để kịp thời xử lý khắc
phục những hư hỏng (sự cố) của đê điều xảy ra do quá trình khảo sát gây ra.

- Rà soát nội dung khoan khảo sát địa chất phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14595-2:2025, đảm bảo đủ số liệu phục vụ thiết kế, tính toán đánh giá ổn định đê, công trình, đảm bảo an toàn đê điều.

- Thực hiện công tác khoan và lắp hố khoan theo đúng quy định hiện hành; trong đó lưu ý, đảm bảo việc lắp hố khoan phải được thực hiện ngay sau khi hoàn thành khảo sát mỗi hố khoan; giám sát chặt chẽ quá trình lắp hố khoan, hoàn trả kết cấu mặt đê, trong phạm vi bảo vệ đê điều theo hiện trạng ban đầu. Chủ đầu tư, đơn vị khảo sát chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố đê điều do việc lắp hố khoan không đảm bảo quy định.

- Có giải pháp khoan khảo sát phù hợp, tổ chức cấm biển báo, đèn tín hiệu, hướng dẫn giao thông, đảm bảo an toàn cho người và các phương tiện tham gia giao thông trên đê.

- Trước khi khoan khảo sát, phải thông báo cho Chi cục Thủy lợi Bắc Ninh để bố trí lực lượng chuyên trách quản lý đê điều giám sát quá trình thi công theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đê điều. Sau khi hoàn thành việc khảo sát phải tháo dỡ, thanh thải thiết bị, vật liệu phục vụ khảo sát, vệ sinh môi trường theo hiện trạng ban đầu.

- Thực hiện các nội dung yêu cầu khác tại văn bản số 1559/BNNMT-ĐĐ ngày 13/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Chỉ được phép thi công các hạng mục theo quyết định cấp phép, chấp hành quy định của Luật Đê điều và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Chủ đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình lập, thực hiện dự án phải tuân thủ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 8 Luật Đê điều (sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường), không nâng cao tuyến đê bồi hiện có và nghiên cứu giải pháp chủ động đưa nước vào trong bồi khi có lũ từ báo động II trở lên.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung chấp thuận; kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi quyết định cấp phép nếu xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật về đê điều, không tuân thủ nội dung chấp thuận trong quá trình khảo sát.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục Thủy lợi; Chủ tịch UBND các phường: Kinh Bắc, phường Vũ Ninh; Công ty TNHH Xây dựng An Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: LĐVP Ô.Luýn, TH;
- Lưu: VT, KTN_{Nam}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Lợi

Phụ lục
CHI TIẾT VỊ TRÍ, SỐ LƯỢNG, CHIỀU SÂU HỐ KHOAN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên hố khoan	Vị trí theo Km đê	Chiều sâu hố khoan (m)	Ghi chú
1	HK1	K56+200	20	Mặt đê
2	HK2	K56+300	20	Mặt đê
3	HK3	K56+400	20	Mặt đê
4	HK4	K56+500	20	Mặt đê
5	HK5	K56+600	20	Mặt đê
6	HK5A	K56+600	15	Chân đê phía sông
7	HK5B	K56+600	15	Chân đê phía đồng
8	HK6	K56+700	20	Mặt đê
9	HK7	K56+800	20	Mặt đê
10	HK8	K56+900	20	Mặt đê
11	HK9	K57+000	20	Mặt đê
12	HK9A	K57+000	15	Chân đê phía sông
13	HK9B	K57+000	15	Chân đê phía đồng
14	HK10	K57+400	20	Mặt đê
15	HK11	K57+500	20	Mặt đê
16	HK12	K57+600	20	Mặt đê
17	HK13	K57+700	20	Mặt đê
18	HK13A	K57+700	15	Chân đê phía sông
19	HK13B	K57+700	15	Chân đê phía đồng
20	HK14	K57+800	20	Mặt đê
21	HK15	K57+900	20	Mặt đê
22	HK16	K58+000	20	Mặt đê
23	HK17	K58+100	20	Mặt đê
24	HK17A	K58+100	15	Chân đê phía sông
25	HK17B	K58+100	15	Chân đê phía đồng
26	HK18	K58+200	20	Mặt đê

STT	Tên hố khoan	Vị trí theo Km đê	Chiều sâu hố khoan (m)	Ghi chú
27	HK19	K58+300	20	Mặt đê
28	HK20	K58+400	20	Mặt đê
29	HK21	K58+500	20	Mặt đê
30	HK21A	K58+500	15	Chân đê phía sông
31	HK21B	K58+500	15	Chân đê phía đồng
32	HK22	K58+600	20	Mặt đê
33	HK23	K58+700	20	Mặt đê
34	HK24	K58+800	20	Mặt đê
35	HK25	K58+900	20	Mặt đê
36	HK25A	K58+900	15	Chân đê phía sông
37	HK25B	K58+900	15	Chân đê phía đồng
38	HK26	K59+000	20	Mặt đê
39	HK27	K59+100	20	Mặt đê
40	HK28	K59+200	20	Mặt đê
41	HK29	K59+300	20	Mặt đê
42	HK29B	K59+300	15	Chân đê phía đồng
43	HK30	K59+400	20	Mặt đê
44	HK31	K59+500	20	Mặt đê
45	HK32	K59+600	20	Mặt đê
46	HK33	K59+700	20	Mặt đê
47	HK33B	K59+700	15	Chân đê phía đồng